

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP
VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ**
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 27



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trọng Kha	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Đông	Ủy viên
Ông Hồ Sỹ Hoàng	Ủy viên
Ông Mai Xuân Bình	Ủy viên
Ông Ngô Văn Tuy	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Hồ Sỹ Hoàng	Giám đốc
Ông Hà Quốc Hải	Phó Giám đốc
Ông Lê Minh Hải	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Giám đốc
Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Giám đốc
Ông Nghiêm Trung Minh	Phó Giám đốc
Ông Ngô Văn Tuy	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 08 tháng 3 năm 2012)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hồ Sỹ Hoàng
Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2013

2500 - G
CÔNG TY
HỮU HẠN
TE
NAM
TP. H

Số: *669* /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 20 tháng 3 năm 2013, từ trang 3 đến trang 27. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ hạn chế phạm vi kiểm toán dưới đây, chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Như trình bày tại Thuyết minh số 7 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, khoản phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn đã tồn đọng trên một năm kể từ thời điểm Công ty phát hành hóa đơn thanh toán giai đoạn, ghi nhận doanh thu với số tiền khoảng 31,6 tỷ đồng. Chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng về khả năng thu hồi đối với khoản phải thu nói trên và dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về giá trị dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập và các ảnh hưởng tới các khoản mục khác của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0042/KTV

**Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 20 tháng 3 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0891/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	
			31/12/2012	(trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		473.768.973.473	809.176.920.040
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	78.206.835.985	38.361.108.824
1. Tiền	111		23.206.835.985	38.361.108.824
2. Các khoản tương đương tiền	112		55.000.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		234.906.300.997	529.081.230.519
1. Phải thu khách hàng	131	7	222.691.525.743	479.144.059.048
2. Trả trước cho người bán	132		5.476.490.834	9.802.726.214
3. Các khoản phải thu khác	135	8	15.772.404.422	49.168.565.259
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(9.034.120.002)	(9.034.120.002)
III. Hàng tồn kho	140	9	157.618.609.100	216.933.784.162
1. Hàng tồn kho	141		157.618.609.100	216.933.784.162
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.037.227.391	24.800.796.535
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		299.734.874	1.203.673.549
2. Thuê giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	19.232.337.869
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.737.492.517	4.364.785.117
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		440.704.724.702	422.956.203.418
I. Tài sản cố định	220		370.208.463.225	317.374.077.267
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	70.629.381.809	68.801.290.315
- Nguyên giá	222		134.893.710.292	122.236.546.492
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(64.264.328.483)	(53.435.256.177)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	299.579.081.416	248.572.786.952
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		15.543.898.546	35.890.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	12	15.890.000.000	35.890.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	12	(346.101.454)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		54.952.362.931	69.692.126.151
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	54.952.362.931	69.692.126.151
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		914.473.698.175	1.232.133.123.458

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
				(trình bày lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		575.225.317.288	888.622.999.352
I. Nợ ngắn hạn	310		567.312.423.260	871.768.524.687
1. Vay ngắn hạn	311	14	92.180.433.000	222.511.551.447
2. Phải trả người bán	312	15	126.371.508.880	351.174.032.345
3. Người mua trả tiền trước	313	16	287.187.357.545	179.471.660.881
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	4.555.867.057	32.255.462.988
5. Phải trả người lao động	315		6.700.377.861	10.415.656.001
6. Chi phí phải trả	316	18	11.976.453.979	34.163.237.424
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	37.971.979.569	41.802.473.601
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		368.445.369	(25.550.000)
II. Nợ dài hạn	330		7.912.894.028	16.854.474.665
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	380.687.103
2. Dự phòng phải trả dài hạn	337	20	7.912.894.028	16.473.787.562
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		330.288.527.529	332.232.182.156
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	330.288.527.529	332.232.182.156
1. Vốn điều lệ	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.750.519.081	7.750.519.081
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.189.534.436	7.045.926.437
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15.348.474.012	17.435.736.638
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	22	8.959.853.358	11.277.941.950
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		914.473.698.175	1.232.133.123.458

Hoàn

Nguyễn Thị Hoàn
Người lập biểu

Ngày 20 tháng 3 năm 2013

Hoàng

Lê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởng



Hoàng

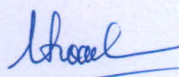
Hồ Sỹ Hoàng
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

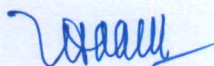
MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
				(trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	846.312.881.021	1.651.895.150.986
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		91.740.306	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		846.221.140.715	1.651.895.150.986
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	769.868.609.741	1.508.338.333.117
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		76.352.530.974	143.556.817.869
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	4.847.316.375	9.103.039.819
7. Chi phí tài chính	22	28	22.513.903.877	32.059.908.831
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21.380.695.452	32.059.908.831
8. Chi phí bán hàng	24		1.395.548.883	2.265.744.912
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		44.755.019.101	56.936.220.729
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		12.535.375.488	61.397.983.216
11. Thu nhập khác	31		4.133.113.492	5.108.387.606
12. Chi phí khác	32		5.985.100.829	470.943.336
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(1.851.987.337)	4.637.444.270
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		10.683.388.151	66.035.427.486
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	3.150.086.001	16.121.748.898
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)	60		7.533.302.150	49.913.678.588
16.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		(887.853.237)	2.477.941.950
16.2. Lợi ích của cổ đông Công ty mẹ	62		8.421.155.387	47.435.736.638
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	281	1.581



Nguyễn Thị Hoan
Người lập biểu



Lê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởng




Hồ Sỹ Hoàng
Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃ SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	
		2012	(trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10.683.388.151	66.035.427.486
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	10.949.536.166	10.408.323.134
Các khoản dự phòng	03	346.101.454	2.044.615.684
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(4.060.209.404)	(9.103.039.819)
Chi phí lãi vay	06	21.380.695.452	32.059.908.831
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	39.299.511.819	101.445.235.316
- Biến động các khoản phải thu	09	262.207.230.413	(65.066.248.126)
- Biến động hàng tồn kho	10	59.315.175.062	8.047.245.347
- Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(139.292.953.328)	14.274.286.105
- Biến động chi phí trả trước	12	17.745.027.938	1.131.006.524
- Tiền lãi vay đã trả	13	(22.597.011.324)	(31.313.207.980)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(10.110.688.400)	(13.886.445.942)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	5.570.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.401.050.000)	(7.571.868.852)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	204.165.242.180	12.630.002.392
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(78.411.705.315)	(224.916.195.255)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	169.112.701	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(55.890.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	52.000.000.000	20.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.664.196.042	5.804.166.308
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(21.578.396.572)	(255.002.028.947)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	484.677.939.607	599.121.313.942
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(615.009.058.054)	(462.632.140.645)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(12.410.000.000)	(41.284.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(142.741.118.447)	95.204.273.297
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	39.845.727.161	(147.167.753.258)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	38.361.108.824	185.528.862.082
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	78.206.835.985	38.361.108.824

Hoan

Nguyễn Thị Hoan
Người lập biểu

Hoàng

Lê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởng



Hồ Sỹ Hoàng
Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500832971 ngày 26 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần là 300.000.000.000 VND, được chia thành 30.000.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 626 người (tại 31 tháng 12 năm 2011 là 912 người).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 01 công ty con như sau:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu %</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết %</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật liệu Xây dựng - PIC7	Vũng Tàu	53,68%	53,68%	Kinh doanh vật liệu xây dựng

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công nghiệp dân dụng;
- Xây dựng các công trình hạ tầng, cầu, cảng, đầu tư kinh doanh địa ốc, hạ tầng phụ trợ;
- Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp, năng lượng, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Đầu tư xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí;
- Đầu tư xây dựng kinh doanh khu đô thị;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Gia công cơ khí;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và cho rằng thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2012. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty không có vật tư, hàng hóa tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất nên không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2012</u>
	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 12
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	4 - 8
Thiết bị quản lý	3 - 10

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư dài hạn khác phản ánh các khoản vốn góp vào các công ty cổ phần trong đó Công ty nắm giữ dưới 20% vốn điều lệ và các khoản đầu tư khác với thời hạn lớn hơn 01 năm. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định hiện hành có liên quan. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khác khi vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại thời điểm báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế tại ngày kết thúc năm tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm lợi thế kinh doanh của các lô đất được góp vốn từ Công ty mẹ khi cổ phần hóa và giá trị công cụ, dụng cụ và linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 2 - 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả phát sinh từ các ước tính kế toán dựa trên tỷ lệ lãi gộp dự toán của các công trình, phát sinh do chi phí tập hợp chưa đầy đủ tại ngày nghiệm thu khối lượng hoàn thành. Các khoản chi phí trích trước này sẽ đảm bảo rằng công trình được tập hợp đầy đủ chi phí trong trường hợp các phần công việc của công trình đã hoàn thành nhưng chưa được quyết toán với nhà thầu phụ. Việc trích trước chi phí công trình tuân theo các quy định hiện hành về kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau: Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Ngày 18 tháng 10 năm 2012, Kiểm toán Nhà nước đã ban hành Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty. Thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, Công ty đã điều chỉnh hồi tố số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán. Cụ thể như sau:

Đơn vị: VND

Mã số	31/12/2011		Chênh lệch	Ghi chú
	trước điều chỉnh	sau điều chỉnh		
Bảng cân đối kế toán				
1. Phải thu khách hàng	131	453.152.095.664	479.144.059.048	25.991.963.384 (i)
2. Các khoản phải thu khác	135	46.697.563.258	49.168.565.259	2.471.002.001
3. Hàng tồn kho	141	455.494.932.381	216.933.784.162	(238.561.148.219) (ii)
4. Tài sản cố định hữu hình	221	68.676.188.761	68.801.290.315	125.101.554
- Nguyên giá	222	122.236.546.492	122.236.546.492	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(53.560.357.731)	(53.435.256.177)	125.101.554
5. Tài sản cố định vô hình	227	43.044.232.696		(43.044.232.696)
- Nguyên giá	228	43.536.700.000	-	(43.536.700.000) (iii)
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(492.467.304)	-	492.467.304
6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8.996.291.826	248.572.786.952	239.576.495.126 (ii)
7. Chi phí trả trước dài hạn	261	26.155.426.151	69.692.126.151	43.536.700.000 (iii)
8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	6.515.578.545	32.255.462.988	25.739.884.443 (i)
9. Dự phòng phải trả dài hạn	337	16.546.330.290	16.473.787.562	(72.542.728)
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	13.007.197.203	17.435.736.638	4.428.539.435
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.650.053.163.236	1.651.895.150.986	1.841.987.750
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	1.509.478.781.578	1.508.338.333.117	(1.140.448.461)
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	57.033.246.399	56.936.220.729	(97.025.670)
4. Thu nhập khác	31	4.101.466.019	5.108.387.606	1.006.921.587
5. Chi phí khác	32	2.403.008.112	470.943.336	(1.932.064.776)
6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	14.531.840.089	16.121.748.898	1.589.908.809
7. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	45.485.139.153	49.913.678.588	4.428.539.435
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.434	1.581	147

- (i) Tăng Phải thu khách hàng đối với thuế giá trị gia tăng đầu ra của những công trình đã ghi nhận doanh thu trong năm 2011 nhưng chưa xuất hóa đơn và kê khai tại 31 tháng 12 năm 2011 với số tiền 23.965.776.859 VND; Tăng Phải thu khách hàng, tăng doanh thu và thuế giá trị gia tăng đầu ra tương ứng của công trình san lấp mặt bằng cảng Sao Mai Bến Đình đã được nghiệm thu với chủ đầu tư nhưng chưa xuất hóa đơn ghi nhận doanh thu với giá trị (đã bao gồm VAT 10%) là 2.026.186.525 VND.
- (ii) Tăng Hàng tồn kho là giá trị các vật tư còn tồn tại công trình 43 Mạc Đĩnh Chi với số tiền 1.015.346.907 VND; Giảm hàng tồn kho do phân loại lại chi phí triển khai đầu tư các dự án Tòa nhà số 33 đường 30/4, Chung cư 242 Nguyễn Hữu Cảnh, Cao ốc văn phòng tại 35D đường 30/4, Khu du lịch Thanh Bình tại Phường 10, thành phố Vũng Tàu với số tiền 239.576.495.126 VND.
- (iii) Phân loại lại giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng 3 lô đất tại thành phố Vũng Tàu (phát sinh tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, phục vụ công tác cổ phần hóa Công ty) với số tiền 43.536.700.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	452.974.987	153.865.963
Tiền gửi ngân hàng	22.753.860.998	38.207.242.861
Các khoản tương đương tiền (i)	55.000.000.000	-
	<u>78.206.835.985</u>	<u>38.361.108.824</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Vũng Tàu kỳ hạn 1 tháng với lãi suất từ 8%/năm đến 9%/năm.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	52.454.367.496	41.699.041.091
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	41.413.278.703	93.547.019.343
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	31.683.638.964	31.683.638.964
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	21.876.738.264	38.790.089.870
Công ty Cổ phần chế tạo giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	16.317.843.036	32.000.574.852
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam -	13.223.326.772	13.223.326.772
Ban Quản lý Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch		
Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí -	9.708.152.456	20.242.575.123
Công ty Cổ phần		
Trung tâm Ứng phó Sự cố Trần dầu Khu vực phía Nam	7.421.290.000	12.454.545.455
Công ty Cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	7.097.380.925	7.097.380.925
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	5.513.615.500	17.260.319.091
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	4.421.108.277	102.483.800.711
Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Dịch	-	16.041.085.637
vụ Khí		
Các đối tượng khác	11.560.785.350	52.620.661.214
	<u>222.691.525.743</u>	<u>479.144.059.048</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty chưa ước tính được giá trị dự phòng phải thu khó đòi phải trích lập đối với khoản phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn với số tiền 31.683.638.964 VND. Ban Giám đốc Công ty quyết định không trích lập dự phòng cho khoản phải thu nêu trên do tin tưởng rằng khoản phải thu này là có thể thu hồi được trong tương lai.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	(trình bày lại) VND
Phải thu Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	40.000.000.000
Công ty Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	7.212.893.029	-
Phải thu lãi trả chậm Công ty Cổ phần Điều dưỡng Du lịch	3.268.873.511	3.298.873.511
Vũng Tàu		
Phải thu do điều chỉnh quyết toán công trình	2.471.002.001	2.471.002.001
Lãi dự thu	183.120.333	-
Phải thu khác	2.636.515.548	3.398.689.747
	<u>15.772.404.422</u>	<u>49.168.565.259</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2012	31/12/2011
	(trình bày lại)	
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	15.020.608.870	10.737.116.783
Công cụ, dụng cụ trong kho	43.002.345	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	142.554.997.885	200.735.571.027
Hàng hóa	-	5.461.096.352
	<u>157.618.609.100</u>	<u>216.933.784.162</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể được thực hiện của hàng tồn kho	<u>157.618.609.100</u>	<u>216.933.784.162</u>

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	5.566.846.158	89.307.167.224	15.513.376.044	11.849.157.066	122.236.546.492
- Mua sắm mới	-	43.200.000	-	375.542.898	418.742.898
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	12.527.997.463	-	-	-	12.527.997.463
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(289.576.561)	(289.576.561)
Tại ngày 31/12/2012	<u>18.094.843.621</u>	<u>89.350.367.224</u>	<u>15.513.376.044</u>	<u>11.935.123.403</u>	<u>134.893.710.292</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012 (trình bày lại)	4.100.698.286	31.683.028.482	12.266.322.848	5.385.206.561	53.435.256.177
- Trích vào chi phí	339.423.991	8.245.399.939	678.972.259	1.685.739.977	10.949.536.166
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(120.463.860)	(120.463.860)
Tại ngày 31/12/2012	<u>4.440.122.277</u>	<u>39.928.428.421</u>	<u>12.945.295.107</u>	<u>6.950.482.678</u>	<u>64.264.328.483</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	<u>13.654.721.344</u>	<u>49.421.938.803</u>	<u>2.568.080.937</u>	<u>4.984.640.725</u>	<u>70.629.381.809</u>
Tại ngày 31/12/2011 (trình bày lại)	1.466.147.872	57.624.138.742	3.247.053.196	6.463.950.505	68.801.290.315

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 với số tiền là 10.474.063.529 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 10.538.257.683 VND).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2012	31/12/2011
	(trình bày lại)	
	VND	VND
Tòa nhà số 33 đường 30/4 Vũng Tàu	74.366.076.011	73.289.959.066
Chung cư 242 Nguyễn Hữu Cảnh Vũng Tàu	122.067.615.550	62.316.085.205
Cao ốc văn phòng 35D đường 30/4 Vũng Tàu	1.298.466.005	1.298.466.005
Khu du lịch Thanh Bình Phường 10, thành phố Vũng Tàu	101.846.923.850	102.671.984.850
Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Văn phòng Công ty	-	8.996.291.826
	<u>299.579.081.416</u>	<u>248.572.786.952</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

Số 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính hợp nhất

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam (PV-PIPE)	13.000.000.000	25.000.000.000
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch	2.890.000.000	10.890.000.000
	<u>15.890.000.000</u>	<u>35.890.000.000</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(346.101.454)	-
	<u>15.543.898.546</u>	<u>35.890.000.000</u>

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	(trình bày lại) VND
Lợi thế kinh doanh (i)	43.536.700.000	43.536.700.000
Công cụ, dụng cụ, giàn giáo xuất dùng	11.399.647.942	25.918.013.999
Công cụ, dụng cụ khác	16.014.989	237.412.152
	<u>54.952.362.931</u>	<u>69.692.126.151</u>

(i) Lợi thế kinh doanh thể hiện giá trị tài sản nhận vốn góp từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 04 tháng 2 năm 2010 đã được Hội đồng Quản trị PVC phê duyệt tại Nghị quyết số 1138/NQXLĐK ngày 30 tháng 12 năm 2009 về việc phê duyệt phương án xử lý đất đai phục vụ công tác chuyển đổi các công ty TNHH MTV của PVC sang công ty cổ phần. Tài sản nhận góp vốn bao gồm quyền sử dụng đất tại 3 thửa đất: Thửa đất số 11 tại đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu với diện tích là 5.104,4 m² có giá trị sau khi đánh giá lại là 15.313.200.000 VND; thửa đất số 10 và 215 đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu với diện tích là 8.070,6 m² có giá trị sau khi đánh giá lại là 24.211.800.000 VND; thửa đất số 108 tại 242 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu với diện tích là 4.011,7 m² có giá trị sau khi đánh giá lại là 4.011.700.000 VND. Trong năm, Công ty không thực hiện phân bổ các khoản lợi thế này do có kế hoạch đầu tư xây dựng các khu phức hợp Thương mại dịch vụ, Văn phòng cho thuê, căn hộ... để kinh doanh.

14. VAY NGẮN HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu (i)	63.180.433.000	115.111.551.447
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Vũng Tàu (ii)	29.000.000.000	107.400.000.000
	<u>92.180.433.000</u>	<u>222.511.551.447</u>

(i) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu bao gồm:

- Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật liệu Xây dựng - PIC7 (Công ty con của Công ty) theo Hợp đồng tín dụng, bảo lãnh hạn mức số 97/969704/TD-MB-VTA-NK ngày 04 tháng 7 năm 2012 cho mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay có hạn mức là 45.000.000.000 VND, dư nợ tín dụng tối đa là 30.000.000.000 VND, lãi suất áp dụng cho từng giấy nhận nợ, khoản vay được bảo lãnh từ Công ty mẹ. Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 30 tháng 6 năm 2013. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư nợ vay của hợp đồng này là 18.180.433.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. VAY NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- Khoản vay ngắn hạn của Công ty mẹ theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số số 448/2012/TD-MB-VTA và bảo lãnh số 807/2012/BL-MB-VTA ngày 07 tháng 11 năm 2012. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với hạn mức tối đa là 200.000.000.000 VND. Khoản vay này có tài sản đảm bảo là doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư nợ vay của hợp đồng này là 45.000.000.000 VND.

- (ii) Khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng hạn mức ngắn hạn số 30121/HĐHM/DN ngày 24 tháng 8 năm 2012. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 30.000.000.000 VND. Khoản vay này được bảo đảm là toàn bộ tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật liệu Xây dựng PIC7. Lãi suất được áp dụng cho từng Giấy nhận nợ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư nợ vay của hợp đồng này là 29.000.000.000 VND.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	7.459.604.837	7.459.604.837
Xí nghiệp Vật liệu xây dựng 125	4.415.291.633	6.592.111.288
Công ty TNHH Cao Từ	4.307.588.614	1.823.920.213
Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại Lý Bảo Minh	5.048.844.350	-
Công ty TNHH Hồ Châu	7.946.979.719	1.827.549.333
Công ty Cổ phần Phát triển kỹ thuật thương mại	3.687.432.877	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Thương mại dịch vụ kỹ nghệ Việt	4.236.764.022	9.960.609.520
Công ty TNHH Vạn Mỹ Phú	3.248.572.593	1.977.488.555
Công ty TNHH Tư Vấn Dịch vụ thương mại Thanh Bình	5.525.976.034	20.000.010.160
Các đối tượng khác	80.494.454.201	301.532.738.439
	<u>126.371.508.880</u>	<u>351.174.032.345</u>

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	265.268.936.981	149.127.734.072
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	9.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn Khoan Dầu khí	1.667.742.597	-
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	-	13.040.184.500
Trung tâm Ứng phó Sự cố Trần dầu Khu vực phía Nam	-	10.275.000.000
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	-	4.197.292.011
Các đối tượng khác	11.250.677.967	2.831.450.298
	<u>287.187.357.545</u>	<u>179.471.660.881</u>

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	(trình bày lại) VND
Thuế giá trị gia tăng	3.927.377.442	24.164.206.021
Thuế thu nhập doanh nghiệp	277.161.539	7.237.763.938
Thuế thu nhập cá nhân	351.328.076	853.493.029
	<u>4.555.867.057</u>	<u>32.255.462.988</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

Số 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính hợp nhất

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (Tiếp theo)

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước:

Chỉ tiêu	Tại ngày	Số phải nộp	Số đã nộp	Tại ngày
	31/12/2011			31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	24.164.206.021	5.030.571.640	25.267.400.219	3.927.377.442
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	3.269.188.978	3.269.188.978	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	3.107.523.415	3.107.523.415	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.237.763.938	3.150.086.001	10.110.688.400	277.161.539
Thuế thu nhập cá nhân	853.493.029	2.101.247.553	2.603.412.506	351.328.076
Thuế môn bài	-	7.000.000	7.000.000	-
Thuế nhà đất, thuế đất	-	1.316.860.233	1.316.860.233	-
Thuế thầu phụ nộp thay	-	86.199.588	86.199.588	-
Cộng	32.255.462.988	18.068.677.408	45.768.273.339	4.555.867.057

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công trình - Khu Du lịch Hồng Phúc	6.325.355.035	-
Công trình - Cao ốc hỗn hợp HH1 khu 5 tầng VSP	4.119.080.233	-
Công trình - Sửa chữa nhà A11 viện nghiên cứu khoa học VSP	915.028.246	-
Công trình - Biệt thự sinh thái Cam Ranh	144.000.000	-
Công trình - 242 Nguyễn Hữu Cảnh	121.253.480	281.818.182
Công trình - Mở rộng khách sạn Đà Lạt - VSP	-	9.526.943.051
Công trình - Bãi Kết cấu Kim loại và Thiết bị Dầu khí	-	7.255.090.910
Công trình - Căn cứ Ứng phó Sự cố tràn dầu tại Thành phố Vũng Tàu	-	5.419.166.460
Công trình - Sửa chữa nhà văn phòng Công ty	-	4.634.815.441
Công trình - Nhà làm việc Xí nghiệp Khoan, Xí nghiệp Vận tải, Xí nghiệp Cơ điện và Trung tâm An toàn - VSP	-	3.803.662.442
Công trình - Cao ốc Dragon Tower	-	1.215.417.700
Công trình - Chung cư Phúc hợp số 2 Nguyễn Hữu Cảnh	-	625.587.181
Công trình - Khách sạn Dầu khí Vũng Tàu	-	583.505.500
Công trình - Nhà ở Vận động viên Bóng chuyền VSP	-	456.909.090
Công trình - Kho trung chuyển Miền Trung Tây Nguyên	-	250.000.000
Chi phí trích trước khác	351.736.985	110.321.467
	11.976.453.979	34.163.237.424

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (i)	33.814.243.656	37.255.506.998
Kinh phí công đoàn	1.504.782.016	1.433.075.941
Lãi vay dự trả	144.375.000	1.471.209.189
Phải trả, phải nộp khác	2.508.578.897	1.642.681.473
	37.971.979.569	41.802.473.601

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC (tiếp theo)

(i) Thể hiện các khoản phải trả, bao gồm:

- Phải trả cổ tức năm 2010 và năm 2011 cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam với số tiền tương ứng lần lượt là 19.420.000.000 VND và 13.890.000.000 VND.
- Các khoản phải trả khác là 504.243.656 VND.

20. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

	2012	2011
	VND	(trình bày lại) VND
Số dư đầu năm	16.473.787.562	20.676.087.565
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	-	3.800.280.742
Hoàn nhập dự phòng	8.560.893.534	8.002.580.745
Số dư cuối năm	7.912.894.028	16.473.787.562

Các khoản dự phòng bảo hành công trình phản ánh ước tính của Ban Giám đốc về khoản nợ phải trả cho thời hạn bảo hành 24 tháng mà Công ty áp dụng đối với các công trình Công ty đã hoàn thành trên cơ sở kinh nghiệm của Công ty về xác suất các công trình gặp phải sự cố sau thời điểm nghiệm thu bàn giao.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (trình bày lại)	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2011	300.000.000.000	7.045.926.437	3.522.963.219	6.324.158.226	316.893.047.882
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	47.435.736.638	47.435.736.638
Tạm chia cổ tức	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Trích lập các quỹ	-	704.592.644	3.522.963.218	(6.324.092.829)	(2.096.536.967)
Giảm khác	-	-	-	(65.397)	(65.397)
Tại ngày 01/01/2012 (trình bày lại)	300.000.000.000	7.750.519.081	7.045.926.437	17.435.736.638	332.232.182.156
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	8.421.155.387	8.421.155.387
Trích lập các quỹ	-	-	143.607.999	(143.607.999)	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.364.810.014)	(1.364.810.014)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2012	300.000.000.000	7.750.519.081	7.189.534.436	15.348.474.012	330.288.527.529

(i) Theo Nghị quyết số 80/NQ-CNDD ngày 31 tháng 5 năm 2012, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt chi trả 3% cổ tức còn lại của năm 2011 với giá trị 9.000.000.000 VND.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty đều là 300.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ	Vốn đã góp đến ngày	
	VND	%	31/12/2012	31/12/2011
	VND	%	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	153.000.000.000	51%	153.000.000.000	153.000.000.000
Các cổ đông khác	147.000.000.000	49%	147.000.000.000	147.000.000.000
	300.000.000.000	100%	300.000.000.000	300.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu	31/12/2012	31/12/2011
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

22. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại công ty con được xác định theo tỷ lệ góp vốn thực tế là 46,32%.

Biến động lợi ích cổ đông thiểu số trong năm như sau:

	Vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2011	3.230.000.000	-	34.515	3.230.034.515
Tăng vốn trong năm	5.570.000.000	-	-	5.570.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	2.477.941.950	2.477.941.950
Giảm khác	-	-	(34.515)	(34.515)
Tại ngày 01/01/2012	8.800.000.000	-	2.477.941.950	11.277.941.950
Lỗ trong năm	-	-	(887.853.237)	(887.853.237)
Trích lập các quỹ	-	123.897.098	(123.897.098)	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	(198.235.355)	(198.235.355)
Chia cổ tức	-	-	(1.232.000.000)	(1.232.000.000)
Tại ngày 31/12/2012	8.800.000.000	123.897.098	35.956.260	8.959.853.358

23. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Báo cáo bộ phận được lập cho mục đích quản trị doanh nghiệp. Hiện tại, Công ty có 01 công ty con. Hoạt động của Công ty mẹ và công ty con là cơ sở để hình thành nên báo cáo bộ phận của Công ty do lĩnh vực kinh doanh tương đối khác nhau:

- Công ty mẹ: cung cấp dịch vụ thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp
- PIC 7: kinh doanh vật liệu xây dựng

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2012

	Thi công xây lắp	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	902.993.034.118	72.746.500.919	(61.265.836.862)	914.473.698.175
Tổng tài sản hợp nhất	902.993.034.118	72.746.500.919	(61.265.836.862)	914.473.698.175
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	572.889.791.163	53.401.362.987	(51.065.836.862)	575.225.317.288
Tổng nợ phải trả hợp nhất	572.889.791.163	53.401.362.987	(51.065.836.862)	575.225.317.288

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

	Kinh doanh		Loại trừ VND	Tổng cộng VND
	Thi công xây lắp VND	vật liệu xây dựng VND		
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	826.010.206.291	144.563.835.546	(124.352.901.122)	846.221.140.715
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(759.290.400.962)	(134.767.473.537)	124.189.264.758	(769.868.609.741)
3. Chi phí không phân bổ	(52.691.461.326)	(11.713.317.861)	(1.264.363.636)	(65.669.142.823)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	14.028.344.003	(1.916.955.852)	(1.428.000.000)	10.683.388.151

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2012	2011
	VND	(trình bày lại) VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	817.798.502.976	1.597.997.908.424
Doanh thu hoạt động cung cấp bê tông và dịch vụ khác	8.048.066.951	26.831.254.572
Doanh thu cung cấp vật tư	20.466.311.094	27.065.987.990
	846.312.881.021	1.651.895.150.986

25. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2012	2011
	VND	(trình bày lại) VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	752.101.166.549	1.473.722.957.472
Giá vốn hoạt động cung cấp bê tông và dịch vụ khác	7.189.234.413	23.929.099.295
Giá vốn hoạt động cung cấp vật tư	10.578.208.779	10.686.276.350
	769.868.609.741	1.508.338.333.117

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2012	2011
	VND	(trình bày lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	392.973.867.399	986.770.678.040
Chi phí nhân công	130.270.546.861	206.306.735.963
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.949.536.166	10.408.323.134
Chi phí dịch vụ mua ngoài	232.345.697.450	667.609.053.368
Chi phí khác	16.763.383.556	15.222.444.541
	783.303.031.432	1.886.317.235.046

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.346.116.375	4.253.039.819
Lãi chuyển nhượng cổ phần PV PIPE	2.501.200.000	4.850.000.000
	<u>4.847.316.375</u>	<u>9.103.039.819</u>

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	21.380.695.452	32.059.908.831
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	346.101.454	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	787.106.971	-
	<u>22.513.903.877</u>	<u>32.059.908.831</u>

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	(trình bày lại) VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	3.150.086.001	14.968.254.547
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật liệu Xây dựng PIC7	-	1.153.494.351
	<u>3.150.086.001</u>	<u>16.121.748.898</u>

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
		(trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	8.421.155.387	47.435.736.638
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	<u>281</u>	<u>1.581</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Các khoản vay	92.180.433.000	222.511.551.447
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	78.206.835.985	38.361.108.824
Nợ thuần	13.973.597.015	184.150.442.623
Vốn chủ sở hữu	<u>330.288.527.529</u>	<u>332.232.182.156</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>4,23%</u>	<u>55,43%</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.206.835.985	38.361.108.824
Phải thu khách hàng và phải thu khác	229.429.810.163	519.278.504.305
Đầu tư dài hạn khác	15.543.898.546	35.890.000.000
Tổng cộng	<u>323.180.544.694</u>	<u>593.529.613.129</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	92.180.433.000	222.511.551.447
Phải trả người bán và phải trả khác	162.838.706.433	391.532.032.308
Chi phí phải trả	11.976.453.979	34.163.237.424
Tổng cộng	<u>266.995.593.412</u>	<u>648.206.821.179</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất, giá các công cụ vốn và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ bị ảnh hưởng như sau:

	Tăng/(giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012		
VND	+200	(1.843.608.660)
VND	-200	1.843.608.660
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011		
VND	+200	4.450.231.029
VND	-200	(4.450.231.029)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thương xuyên theo dõi diễn biến của thị trường để xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v... Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, do khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Đóng mới và sửa chữa tàu Nhơn Trạch có dấu hiệu giảm giá nên Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn với số tiền khoảng 346 triệu VND.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu quá hạn thanh toán. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến một số khoản phải thu quá hạn thanh toán khoảng 45,1 tỷ VND. Trong đó, giá trị phải thu quá hạn thanh toán đã trích lập dự phòng khoảng 9 tỷ VND.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.206.835.985	-	78.206.835.985
Phải thu khách hàng và phải thu khác	229.429.810.163	-	229.429.810.163
Đầu tư dài hạn	-	15.543.898.546	15.543.898.546
	307.636.646.148	15.543.898.546	323.180.544.694
Các khoản vay	92.180.433.000	-	92.180.433.000
Phải trả người bán và phải trả khác	162.838.706.433	-	162.838.706.433
Chi phí phải trả	11.976.453.979	-	11.976.453.979
	266.995.593.412	-	266.995.593.412
Chênh lệch thanh khoản thuần	40.641.052.736	15.543.898.546	56.184.951.282
31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.361.108.824	-	38.361.108.824
Phải thu khách hàng và phải thu khác	519.278.504.305	-	519.278.504.305
Đầu tư dài hạn	-	35.890.000.000	35.890.000.000
	557.639.613.129	35.890.000.000	593.529.613.129
Các khoản vay	222.511.551.447	-	222.511.551.447
Phải trả người bán và phải trả khác	391.532.032.308	-	391.532.032.308
Chi phí phải trả	34.163.237.424	-	34.163.237.424
	648.206.821.179	-	648.206.821.179
Chênh lệch thanh khoản thuần	(90.567.208.050)	35.890.000.000	(54.677.208.050)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

Số 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Thi công các công trình xây lắp		
Liên doanh Dầu khí Việt Nga - VSP	742.570.914.149	429.279.627.907
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	27.047.950.452	314.987.872.575
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	282.240.459.643
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí	5.455.678.211	225.421.984.430
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu	-	69.374.125.455
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	17.290.770.268	62.367.346.474
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - PTSC	-	47.845.052.581
Trung tâm Ứng phó Sự cố Trần dầu Khu vực Phía Nam	23.046.627.273	43.590.909.091
Công ty Cổ phần khách sạn Dầu khí - PTSC	1.113.835.350	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	-	38.559.867.792
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	-	36.973.912.851
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	-	17.260.319.091
BQL Dự án Nhà máy Điện Nhơn Trạch - PVC	-	14.952.705.550
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	-	10.860.886.468
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	-	680.826.095
Bán cổ phần		
Công ty Công Nghiệp Tàu Thủy Dung Quất	7.212.893.029	-
Cung cấp hàng hoá, dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hàng hải Dầu khí - PTSC	2.308.692.120	8.613.777.185
Liên doanh Dầu khí Việt Nga - VSP	1.288.322.488	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống, Bể chứa Dầu khí	233.049.014	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	-	3.593.802.610
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	-	2.408.805.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	-	304.545.455
Công ty Cổ phần Chế tạo Thiết bị Dầu khí APEM	-	19.400.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội, ngoại thất Dầu Khí	-	1.087.322.300
Mua hàng hoá, dịch vụ		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng tàu	5.729.158.769	-
Tập đoàn Dầu khí Quốc Gia Việt Nam	5.570.836.891	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	1.363.865.251	6.590.592.471
Công ty TNHH MTV Máy -Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	-	5.625.194.080
Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	1.012.117.000	2.163.025.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	1.210.671.367
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	2.090.377.635	338.065.587
Thu nhập của Ban Giám đốc:		
	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	2.977.384.117	3.050.448.143

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

Số 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	4.421.108.277	102.483.800.711
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	41.413.278.703	93.547.019.343
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	52.454.367.496	41.699.041.091
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	21.876.738.264	38.790.089.870
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	16.317.843.036	32.000.574.852
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	31.683.638.964	31.683.638.964
Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng	9.708.152.456	20.242.575.123
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	5.513.615.500	17.260.319.091
Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty dịch vụ Khí	-	16.041.085.637
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch	13.223.326.772	13.223.326.772
Trung tâm Ứng phó Sự cố Trần dầu Khu vực phía Nam	7.421.290.000	12.454.545.455
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - Công ty TNHH Dịch vụ Cơ khí Hàng hải	41.795.600	5.643.687.852
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	-	2.020.258.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - BQL Dự án Cảng	-	1.993.487.088
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí	-	1.901.977.500
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu Khí	196.013.066	-
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	7.459.604.837	7.459.604.837
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim	1.132.780.391	1.132.780.391
Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	1.070.267.659	-
Người mua trả tiền trước		
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	265.268.936.981	149.127.734.072
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nhà Trang	9.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn Khoan Dầu khí	1.667.742.597	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	782.906.701	-
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	-	13.040.184.500
Trung tâm Ứng phó Sự cố Trần dầu Khu vực phía Nam	-	10.275.000.000
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	-	4.197.292.011
Phải trả khác		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	33.814.243.656	37.255.506.998
<i>Phải trả cổ tức</i>	<i>33.310.000.000</i>	<i>36.720.000.000</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>504.243.656</i>	<i>535.506.998</i>
Phải thu khác		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	40.000.000.000
Công ty Công nghiệp Tàu Thủy Dung Quất	7.212.893.029	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Ngày 26 tháng 4 năm 2011, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 63/NQ-CNDD-ĐHĐCĐ phê duyệt kế hoạch tăng vốn điều lệ của Công ty thêm 300.000.000.000 VND. Trong đó, giá trị cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua là 275.000.000.000 VND với tỷ lệ thực hiện quyền là 12:11, giá trị cổ phiếu phát hành cho Cán bộ công nhân viên theo chương trình ESOP là 12.250.000.000 VND, giá trị cổ phiếu phát hành cho đối tác chiến lược là 12.750.000.000 VND.

Ngày 15 tháng 6 năm 2012, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 23/GCN-UBCK. Theo đó, Công ty được phép đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với số lượng cổ phiếu chào bán là 27.500.000 cổ phiếu tương đương giá trị chào bán là 275.000.000.000 VND. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đang triển khai các công việc chào bán cổ phiếu theo phương án đã được phê duyệt.

34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

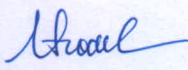
Ngày 18 tháng 02 năm 2013, Công ty đã miễn nhiệm Ông Nguyễn Duy Hưng thôi giữ chức Kế toán trưởng và Trưởng phòng Tài chính Kế toán và bổ nhiệm giữ chức Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty. Công ty cũng đồng thời miễn nhiệm Ông Phùng Văn Công thôi giữ chức Trưởng ban Kiểm soát và bổ nhiệm giữ chức Phó Giám đốc Công ty. Quyết định cuối cùng sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2013.

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

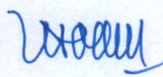
36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước đã được điều chỉnh hồi tố theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước, như trình bày tại Thuyết minh số 5.



Nguyễn Thị Hoan
Người lập biểu

Ngày 20 tháng 3 năm 2013



Lê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởng



Hồ Sỹ Hoàng
Giám đốc